

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: 128/2022/HNGĐ-ST.
Ngày: 05-9-2022.
V/v ly hôn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Đỗ Thị Mộng Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Cảnh.
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Phương Yến – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 05 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 261/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2022 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 208/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1981.

Địa chỉ: ấp An T 1, xã An Ngãi T, huyện Ba T, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: ông Nguyễn Trung D, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn Giồng T, huyện Giồng T, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa, bà T có mặt, ông D vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản khai và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Hồng T trình bày:

Bà và bị đơn là ông Nguyễn Trung D có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Ngãi Trung, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre vào năm 2002. Hôn nhân của ông bà là do tự nguyện. Thời gian đầu ông bà cùng tạo dựng hạnh phúc và chăm lo cho con. Tuy nhiên những năm gần đây, vợ chồng bà phát sinh nhiều mâu thuẫn do thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống, dần dần mâu thuẫn ngày càng tăng. Tuy ông bà sống chung nhà nhưng 10 năm nay, ông bà đã không còn quan tâm, giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Vì con nên bà cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng với ông D nhưng do mâu thuẫn và bất đồng quá lớn nên không thể hàn gắn được. Ông D không những không có thiện chí hàn gắn mà còn thường xuyên bỏ nhà đi làm, khi về còn gây với bà làm bà không thể nào chấp nhận được. Bà và ông D không sống cùng nhau từ năm 2016 cho đến nay. Nay bà thấy cuộc sống hôn nhân đã không còn hạnh

phúc, mâu thuẫn giữa vợ chồng bà đã trầm trọng không thể nào chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông D.

Bà và ông D có một người con chung là Nguyễn Trung N, sinh năm 2001, là người thành niên, tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà và ông D tự thỏa thuận về tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đã thông báo và tổ chức các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, đồng thời mở phiên tòa xét xử vụ án nhưng ông D đều vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện của bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre giải quyết ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Trung D. Ông D cư trú tại thị trấn Giồng Trôm, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ông D đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông D.

[2] Về quan hệ hôn nhân: bà T và ông D tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 04 tháng 01 năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã An Ngãi T, huyện Ba T, tỉnh Bến Tre nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Theo lời trình bày của bà T thì bà T và ông D phát sinh mâu thuẫn nhưng không tự giải quyết được và ông bà không cùng chung sống với nhau từ năm 2016 cho đến nay. Đồng thời, với yêu cầu xin ly hôn của bà T, ông D không có ý kiến phản đối, bỏ mặc cho bà T tự giải quyết.

Xét thấy, bà T và ông D không còn tình nghĩa vợ chồng vì không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và đã không chung sống với nhau trong thời gian dài. Từ đó có đủ cơ sở khẳng định hôn nhân của bà T và ông D lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T để giải quyết cho bà T được ly hôn với ông D.

[3] Về con chung: căn cứ theo lời trình bày của bà T và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy bà T và ông D có 01 người con chung là Nguyễn Trung N, sinh năm 2001, là người thành niên, tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: bà T trình bày bà không tranh chấp tài sản chung với ông D, bà và ông D không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với ông D thì vắng mặt, không có ý kiến. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: bà T phải chịu án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng T. Bà Nguyễn Thị Hồng T được ly hôn với ông Nguyễn Trung D.

2. Về con chung: bà Nguyễn Thị Hồng T và ông Nguyễn Trung D có 01 người con chung là Nguyễn Trung N, sinh năm 2001, là người thành niên, tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: bà Nguyễn Thị Hồng T trình bày bà không tranh chấp tài sản chung với ông Nguyễn Trung D, bà và ông D không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với ông D thì vắng mặt, không có ý kiến. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng T phải chịu án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008199 ngày 27 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã An Ngãi T, huyện Ba T, tỉnh Bến Tre;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Đỗ Thị Mộng Tuyền

